TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2022/DS-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán điện

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huế

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm, là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán điện", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty A
Trụ sở: Số 35 TĐT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh Tổng Công ty A – Công ty B.
Địa chỉ: 1A TK, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Anh T, địa chỉ liên hệ: 1A TK, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 2862/UQ-PCCL ngày 18/11/2021) (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1951.
Thường trú: 31 lầu 1 PĐ, Phường M1, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2022 và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty A (có ông Phạm Anh T là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 03/4/2016, Tổng Công ty A đã ký hợp đồng về việc mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với bà Nguyễn Thị Thanh N1 (mã số: 79774116005595-PE03000073406).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền điện sử dụng hàng tháng. Tuy nhiên, từ kỳ hóa đơn tháng 02/2021 đến kỳ hóa đơn tháng 8/2021 bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã không thanh toán tiền điện đúng hạn theo hợp đồng đã ký kết nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Thanh N1 nợ tiền điện kỳ hạn thanh toán của 07 hóa đơn và chi phí ngừng cấp điện như sau:

1. Thông báo tiền điện kỳ tháng 02/2021 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/01/2021 đến 25/02/2021 với số tiền là 241.802 đồng (*Hai trăm bốn mươi mốt ngàn tám trăm lẻ hai đồng*).

2. Thông báo tiền điện kỳ tháng 3/2021 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/02/2021 đến ngày 25/3/2021 với số tiền là 136.589 đồng (*Một trăm ba mươi sáu ngàn năm tám mươi chín đồng*).

3. Thông báo tiền điện kỳ tháng 4/2021 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/3/2021 đến ngày 25/4/2021 với số tiền là 118.131 đồng (*Một trăm mười tám ngàn một trăm ba mươi mốt đồng*).

4. Thông báo tiền điện kỳ tháng 5/2021 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/4/2021 đến ngày 25/5/2021 với số tiền là 92.290 đồng (*Chín mươi hai ngàn hai trăm chín mươi đồng*).

5. Thông báo tiền điện kỳ tháng 6/2021 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/5/2021 đến ngày 25/6/2021 với số tiền là 92.290 đồng (*Chín mươi hai ngàn hai trăm chín mươi đồng*).

6. Thông báo tiền điện kỳ tháng 7/2021 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/6/2021 đến ngày 25/7/2021 với số tiền là 92.290 đồng (*Chín mươi hai ngàn hai trăm chín mươi đồng*).

7. Thông báo tiền điện kỳ tháng 8/2021 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/7/2021 đến ngày 25/8/2021 với số tiền là 78.447 đồng (*Bảy mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*).

8. Thông báo ngừng cung cấp điện ngày 11/11/2021 với chi phí ngừng cấp điện là 107.800 đồng (*Một trăm lẻ bảy ngàn tám trăm đồng*).

Tổng số tiền nợ của 07 kỳ hóa đơn (851.839 đồng) và phí đóng cắt điện (107.800 đồng) là: 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*).

Tổng Công ty A đã thông báo ngừng cung cấp điện ngày 11/11/2021. Hiện nay, Tổng Công ty A đã ngừng cung cấp điện cho bà Nguyễn Thị Thanh N1 tại địa chỉ theo hợp đồng mua bán điện, nhưng đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền điện.

Nay, Tổng Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận N buộc bà Nguyễn Thị Thanh N1 phải thanh toán đầy đủ số tiền điện còn nợ là 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*) cho Tổng Công ty A.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; các Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà N1 vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tổng Công ty A (ông Phạm Anh T) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1951 là người cao tuổi (71 tuổi), theo quy định của pháp luật thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tổng Công ty A khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán điện đối với bà Nguyễn Thị Thanh N1 có nơi cư trú tại Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Anh T đã có đơn đề ngày 05/9/2022 về việc đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn bà N1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không làm bản tự khai để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của Tổng Công ty A yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N1 trả số tiền điện còn nợ là 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng)*.

[2.1] Tổng Công ty A ký Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, mã số hợp đồng: 79774116005595-PE03000073406 ngày 03/4/2016 với bà Nguyễn Thị Thanh N1 là phù hợp với quy định tại Thông tư số 19/2014/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 18/6/2014 về việc ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, nên đủ căn cứ xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 có mua điện phục vụ mục đích sinh hoạt tại địa chỉ số 31 PĐ, Phường M1, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Theo Thông báo tiền điện kỳ hóa đơn từ tháng 02/2021 đến kỳ hóa đơn tháng 8/2021 và Thông báo ngừng cung cấp điện ngày 11/11/2021, thì tổng số tiền điện mà bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã sử dụng theo hợp đồng nêu trên và chi phí ngừng cấp điện là 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*).

[2.3] Căn cứ vào Thông báo ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán ngày 11/11/2021 của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 còn nợ lại chưa thanh toán 07 kỳ tiền điện (kỳ hóa đơn từ tháng 02/2021 đến kỳ hóa đơn tháng 8/2021) với tổng số tiền là 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*) (đã bao gồm chi phí ngừng cấp điện 107.800 đồng). Do đó, nguyên đơn Tổng Công ty A đã ngừng cung cấp điện là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012.

[2.4] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh.

[2.5] Việc bị đơn nợ tiền điện quá hạn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*) ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 20, 23 và khoản 2 Điều 46 của Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2012. Do đó yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền điện là 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 là người cao tuổi (71 tuổi) thuộc trường hợp pháp luật quy định được miễn nộp tiền án phí Tòa án nhưng bị đơn vắng mặt và không có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 20, 23 và khoản 2 Điều 46 của Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm b Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty A:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N1 phải trả cho Tổng Công ty A tiền điện của các Thông báo tiền điện kỳ hóa đơn từ tháng 02/2021 đến kỳ hóa đơn tháng 8/2021 và Thông báo ngừng cung cấp điện ngày 11/11/2021, tổng cộng số tiền của các Thông báo nêu trên là 959.639 đồng (*Chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng)* ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Tổng Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bà Nguyễn Thị Thanh N1 phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tổng Công ty A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Tổng Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0009774, ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tổng Công ty A, bà Nguyễn Thị Thanh N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Quận N;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận N;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huế